

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 168/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25/9/2020

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quý Hòa;
2. Bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa:

+ Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 17/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trương Ngọc N, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn C - xã P - huyện Hoài Ân - tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Ngô T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn C - xã P - huyện Hoài Ân - tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt), bị đơn vắng mặt (lần 02).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn anh Trương Ngọc N trình bày:

Năm 2014, anh Nam làm Công Ty may An Đ, địa chỉ: Tỉnh lộ 825 - TT. Hậu N - Đức Hòa - Long An. Anh N đã quen biết và có thời gian tìm hiểu với cô Huỳnh Ngô T, sinh năm 1991, quê ở Quảng Ngãi; năm 2016 anh N đăng ký kết hôn với chị T tại UBND xã P. Sau khi cưới, chị T đã chuyển khẩu từ xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi về xã P - huyện Hoài Ân. Vợ chồng anh N, chị T vào thuê nhà ở Bà Diễm - Hóc Môn sống và có một con chung tên Trương Gia N, sinh ngày

24/12/2016. Trong thời gian sống chung không hợp, luôn gây cãi, năm 2017 cô T bỏ anh N, dẫn con đến ở tại số nhà: 107 Hồ Văn Long - Bình Hưng Hòa B - Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh; đến tháng 9/2019 cô T về ở nhà cha ruột (Huỳnh Ngọc L) tại Thu Xà - Nghĩa Hòa - Tư Nghĩa - Quảng Ngãi, không sống chung với anh N từ đó cho đến nay. Anh N xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh N và chị T không còn gì nên anh N khởi kiện đến Tòa án huyện Hoài Ân yêu cầu giải quyết cho anh N ly hôn Huỳnh Ngô T. Về con chung, anh N đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh N tự nguyện cấp dưỡng cho chị T nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, anh N không yêu cầu giải quyết.

- Bên bị đơn, chị Huỳnh Ngô T: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, chị T không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án. Chị T không có lời khai, Tòa án ủy thác thu thập chứng cứ, nhưng không có kết quả đối với chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Anh Trương Ngọc N và chị Huỳnh Ngô T kết hôn vào năm 2016, có đăng ký tại UBND xã P là hợp pháp. Chị T đã chuyển khẩu từ Quảng Ngãi vào nhập khẩu với gia đình anh N tại Thôn C, xã P, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; hai người có một con chung tên Trương Gia N, 24/12/2016. Do trong quá trình sống chung không hợp nhau, luôn gây cãi nên năm 2017 cô T đã bỏ anh N, dẫn con đến ở tại số nhà 107 Hồ Văn Long - Bình Hưng Hòa B - Bình Tân -TP. Hồ Chí Minh; đến tháng 9/2019 cô T về ở nhà cha ruột (Huỳnh Ngọc L) tại thôn X, xã H, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, không sống chung với anh N từ đó cho đến nay. Anh N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh N khởi kiện xin ly hôn chị Huỳnh Ngô T. Anh N đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh N tự nguyện cấp dưỡng cho chị T nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, anh N không yêu cầu giải quyết.

- Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý sơ thẩm vụ án và xác định đây là “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 81 của Luật hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục giao nhận tài liệu, chứng cứ; thu thập chứng cứ và ủy thác thu thập chứng cứ. Tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quyền, nghĩa vụ của đương sự: Tòa án đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; niêm yết công khai, giải thích các quy định của pháp luật, bị đơn chị Huỳnh Ngô T không yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt; Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn, anh Trương Ngọc N:

- Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người không sống chung với nhau là từ năm 2016 cho đến nay nên có kéo dài mối quan hệ vợ chồng thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, anh N xác định không còn tình cảm với chị T, anh N xin ly hôn chị Huỳnh Ngô T là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Hiện con chung Trương Gia N, sinh ngày 24/12/2016 đang ở với chị T. Anh N đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh N tự nguyện cấp dưỡng cho chị T nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét sự tự nguyện của anh N là hoàn toàn thiện ý, có cơ sở, đúng pháp luật; Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu; Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Xét ý kiến của bị đơn, chị Huỳnh Ngô T:

- Về hôn nhân: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, ủy thác thu thập chứng cứ không có kết quả, đã thông báo, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng chị T không đến Tòa án, không có bản khai hay ý kiến gì.

Tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã thông báo, triệu tập, niêm yết công khai đúng quy định đến (lần 02), nhưng chị T vẫn không có mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của chị T trước pháp luật; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Huỳnh Ngô T theo quy định của pháp luật.

[4]. Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, thư ký tiến hành tố tụng, Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, để xét xử vụ án.

- Về hướng giải quyết: Có cơ sở để chấp nhận khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Chấp nhận việc giao con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn; về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết là phù hợp với nhận định của Tòa án; Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Từ các căn cứ trên; Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Trương Ngọc N được ly hôn chị Huỳnh Ngô T.

- Về con chung: Giao con chung Trương Gia N, sinh ngày 24/12/2016 cho chị T nuôi dưỡng; buộc anh N phải cấp dưỡng cho chị T nuôi con chung mỗi

tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh N được quyền thăm nom, săn sóc con chung.

- Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; cần tuyên buộc anh Nam chịu án phí sơ thẩm (ly hôn, cấp dưỡng nuôi con chung có định kỳ).

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Trương Ngọc N được ly hôn chị Huỳnh Ngô T.

- Về con chung: Giao con chung Trương Gia N, sinh ngày 24/12/2016 cho chị T nuôi dưỡng, anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 11/2020 trở đi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh N được quyền thăm nom, săn sóc con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án (chị Huỳnh Ngô T) có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án (anh Trương Ngọc N) còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền chậm trả tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Trương Ngọc N nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, 300.000 đồng án phí sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ, tổng cộng bằng 600.000 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0007851 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân, còn phải nộp 300.000 đồng.

Về nghĩa vụ thi hành án:

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND, THA;
- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu (HSVA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Vân